

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2022
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền - Bà Đặng Thị Hồng Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1983; vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1974; vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 21 tháng 10 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trung H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2004, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Trung H vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227; 228; 238; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trung H. Về con chung: Giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Về quyền kháng cáo: Chị D, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Nguyễn Trung H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Trần Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D kết hôn với anh Nguyễn Trung H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị D và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị D, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trung H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/7/2004, chị D đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T không yêu cầu anh Nguyễn Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị D là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Anh H không có ý kiến gì đối với việc nuôi con nên giao cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Trần Thị D, anh Nguyễn Trung H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Chị Trần Thị D, anh Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2004, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000157, ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Chị D đã nộp đủ tiền án phí). Anh Nguyễn Trung H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trung H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P.Đ, TP.Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền